# **LUẬT TIẾP CÔNG DÂN 42/2013/QH13**

(Trích dẫn một số nội dung cơ bản về Luật Tiếp công dân số 42/2013/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 25 tháng 11 năm 2013).

**Điều 3. Nguyên tắc tiếp công dân**

1. Việc tiếp công dân phải được tiến hành tại nơi tiếp công dân của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Việc tiếp công dân phải bảo đảm công khai, dân chủ, kịp thời; thủ tục đơn giản, thuận tiện; giữ bí mật và bảo đảm an toàn cho người tố cáo theo quy định của pháp luật; bảo đảm khách quan, bình đẳng, không phân biệt đối xử trong khi tiếp công dân.

3. Tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi cho công dân thực hiện việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo quy định của pháp luật.

**Điều 4. Trách nhiệm tiếp công dân**

1. Các cơ quan nhà nước có trách nhiệm tổ chức tiếp công dân bao gồm:

a) Chính phủ;

b) Bộ, cơ quan ngang bộ; tổng cục và tổ chức tương đương; cục;

c) Ủy ban nhân dân các cấp;

d) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

đ) Các cơ quan của Quốc hội;

e) Hội đồng nhân dân các cấp;

g) Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm toán nhà nước.

2. Đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp có trách nhiệm tiếp công dân theo quy định của Luật này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

3. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan thuộc Chính phủ, đơn vị sự nghiệp công lập tổ chức việc tiếp công dân phù hợp với yêu cầu, quy mô, tính chất hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình.

Căn cứ vào quy định của Luật này, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội quy định về việc tiếp công dân trong cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống mình; Chính phủ quy định cụ thể việc tiếp công dân tại các cơ quan thuộc Chính phủ, đơn vị sự nghiệp công lập.

**Điều 6. Các hành vi bị nghiêm cấm**

1. Gây phiền hà, sách nhiễu hoặc cản trở người đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

2. Thiếu trách nhiệm trong việc tiếp công dân; làm mất hoặc làm sai lệch thông tin, tài liệu do người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh cung cấp.

3. Phân biệt đối xử trong khi tiếp công dân.

4. Lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh để gây rối trật tự công cộng.

5. Xuyên tạc, vu khống, gây thiệt hại cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân.

6. Đe dọa, xúc phạm cơ quan, tổ chức, đơn vị, người tiếp công dân, người thi hành công vụ.

7. Kích động, cưỡng ép, dụ dỗ, lôi kéo, mua chuộc người khác tập trung đông người tại nơi tiếp công dân.

8. Vi phạm các quy định khác trong nội quy, quy chế tiếp công dân.

**Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của người đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.**

1. Khi đến nơi tiếp công dân, người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh có các quyền sau đây:

a) Trình bày về nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh;

b) Được hướng dẫn, giải thích về nội dung liên quan đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của mình;

c) Khiếu nại, tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật của người tiếp công dân;

d) Nhận thông báo về việc tiếp nhận, kết quả xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh;

đ) Trường hợp người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh không sử dụng thông thạo tiếng Việt thì có quyền sử dụng người phiên dịch;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

2. Khi đến nơi tiếp công dân, người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh có các nghĩa vụ sau đây:

a) Nêu rõ họ tên, địa chỉ hoặc xuất trình giấy tờ tùy thân, giấy ủy quyền (nếu có);

b) Có thái độ đúng mực, tôn trọng đối với người tiếp công dân;

c) Trình bày trung thực sự việc, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; ký hoặc điểm chỉ xác nhận những nội dung trình bày đã được người tiếp công dân ghi chép lại;

d) Nghiêm chỉnh chấp hành nội quy tiếp công dân và hướng dẫn của người tiếp công dân;

đ) Trường hợp nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về một nội dung thì phải cử người đại diện để trình bày nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh;

e) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung khiếu nại, tố cáo của mình.

**Điều 8. Trách nhiệm của người tiếp công dân**

1. Khi tiếp công dân, người tiếp công dân phải bảo đảm trang phục chỉnh tề, có đeo thẻ công chức, viên chức hoặc phù hiệu theo quy định.

2. Yêu cầu người đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh nêu rõ họ tên, địa chỉ hoặc xuất trình giấy tờ tùy thân, giấy ủy quyền (nếu có); có đơn hoặc trình bày rõ ràng nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết cho việc tiếp nhận, thụ lý vụ việc.

3. Có thái độ đứng mực, tôn trọng công dân, lắng nghe, tiếp nhận đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh hoặc ghi chép đầy đủ, chính xác nội dung mà người đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trình bày.

4. Giải thích, hướng dẫn cho người đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật, kết luận, quyết định giải quyết đã có hiệu lực pháp luật của cơ quan có thẩm quyền; hướng dẫn người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh đến đúng cơ quan hoặc người có thẩm quyền giải quyết.

5. Trực tiếp xử lý hoặc phân loại, chuyển đơn, trình người có thẩm quyền xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; thông báo kết quả xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh cho công dân.

6. Yêu cầu người vi phạm nội quy nơi tiếp công dân chấm dứt hành vi vi phạm; trong trường hợp cần thiết, lập biên bản về việc vi phạm và yêu cầu cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật.

**Điều 9. Những trường hợp được từ chối tiếp công dân**

Người tiếp công dân được từ chối tiếp người đến nơi tiếp công dân trong các trường hợp sau đây:

1. Người trong tình trạng say do dùng chất kích thích, người mắc bệnh tâm thần hoặc một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình;

2. Người có hành vi đe dọa, xúc phạm cơ quan, tổ chức, đơn vị, người tiếp công dân, người thi hành công vụ hoặc có hành vi khác vi phạm nội quy nơi tiếp công dân;

3. Người khiếu nại, tố cáo về vụ việc đã giải quyết đúng chính sách, pháp luật, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, rà soát, thông báo bằng văn bản và đã được tiếp, giải thích, hướng dẫn nhưng vẫn cố tình khiếu nại, tố cáo kéo dài;

4. Những trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 15. Việc tiếp công dân ở xã, phường, thị trấn**

1. Việc tiếp công dân của cấp ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn được thực hiện tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp phụ trách công tác tiếp công dân ở cấp xã và thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

a) Ban hành nội quy tiếp công dân;

b) Bố trí địa điểm thuận lợi và các điều kiện cần thiết khác cho việc tiếp công dân tại Trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã;

c) Phân công người tiếp công dân;

d) Trực tiếp tiếp công dân tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã ít nhất 01 ngày trong 01 tuần và thực hiện việc tiếp công dân đột xuất trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 18 của Luật này;

đ) Phối hợp chặt chẽ với cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan tiếp công dân và xử lý vụ việc nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về một nội dung; bảo đảm an toàn, trật tự cho hoạt động tiếp công dân;

e) Tổng hợp tình hình, kết quả công tác tiếp công dân, báo cáo định kỳ và đột xuất với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

# **LUẬT AN NINH MẠNG 24/2018/QH14**

Luật An ninh mạng số 24/2018/QH14 ngày 12/6/2018 khi chính thức có hiệu lực vào ngày 1/1/2019 sẽ siết chặt hơn nữa các hoạt động trên môi trường mạng. Điều này cũng đòi hỏi mỗi cá nhân sử dụng Internet phải hiểu các quyền được phép và có trách nhiệm tuân thủ pháp luật nhằm xây dựng môi trường số an toàn, an ninh hơn.

Trước đây chưa có Luật An ninh mạng, các hành vi phạm pháp luật trên mạng thiếu cơ chế kiểm tra, giám sát, xử phạt. Những thông tin xấu độc, cùng với những tin tức giả mạo, xâm phạm quyền riêng tư, ảnh hưởng tiêu cực đến thuần phong, mỹ tục,… lan truyền rộng rãi mà không có cơ chế xử phạt trong khi những hành vi tương tự xảy ra ngoài xã hội sẽ bị xử phạt hành chính, dân sự hoặc thậm chí là hình sự tùy từng hành vi. Đặc biệt nghiêm trọng là các thế lực chống phá thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình”, định hướng tiêu cực các thông tin. Trong bối cảnh phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ, âm mưu này được triển khai dưới nhiều phương thức khác nhau, và không gian mạng trở thành môi trường lý tưởng cho các âm mưu đó. Không gian mạng trở thành môi trường lý tưởng để thực hiện các hành vi đó vì khó có thể xử lý. Luật An ninh mạng tạo ra khung pháp lý quản lý nhà nước trên Internet, đưa các hoạt động trên Internet vào chịu sự điều chỉnh của pháp luật quy chiếu vào các hành vi trong Bộ luật Hình sự, Bộ luật Dân sự. Mỗi cá nhân hoàn toàn có đầy đủ các quyền và lợi ích trên Internet miễn rằng không vi phạm quy định của luật. Nếu vi phạm sẽ chịu chế tài tương ứng.

Các hành vi bị cấm do Luật An ninh mạng quy định tại Điều 8 có thể kể đến như: Tổ chức, hoạt động, câu kết, xúi giục, mua chuộc, lừa gạt, lôi kéo, đào tạo, huấn luyện người chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; xuyên tạc lịch sử, xúc phạm tôn giáo, kỳ thị giới tính, phân biệt chủng tộc; mại dâm, tệ nạn xã hội, mua bán người; đăng tải thông tin dâm ô, đồi trụy phá hoại thuần phong mỹ tục; thông tin tuyên truyền xuyên tạc, chia rẽ, gây hấn; thông tin bịa đặt sai sự thật; cấm kinh doanh đa cấp, đánh bạc qua mạng internet;… Người nào có hành vi vi phạm quy định của Luật này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật. Luật không có bất cứ quy định nào thiết lập sự áp đặt cấm đoán hay cản trở công dân hoạt động trên không gian mạng nói chung hay mạng xã hội nói riêng cũng như hạn chế quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí của công dân. Các quy định trên cũng được quy định là hành vi vi phạm pháp luật trong Bộ luật Hình sự.

Bên cạnh đó, lực lượng bảo vệ an ninh mạng gồm: Lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng được bố trí tại Bộ Công an, Bộ Quốc phòng; Lực lượng bảo vệ an ninh mạng được bố trí tại Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia; Tổ chức, cá nhân được huy động tham gia bảo vệ an ninh mạng.

Ngoài những điều khoản trên, Luật An ninh mạng còn có một điểm đáng chú ý đó là yêu cầu các công ty quy định về bảo đảm an toàn thông tin trên không gian mạng tại Khoản 3 Điều 26, yêu cầu doanh nghiệp trong nước và ngoài nước cung cấp dịch vụ trên mạng viễn thông, mạng Internet, các dịch vụ gia tăng trên không gian mạng tại Việt Nam có hoạt động thu thập, khai thác, phân tích, xử lý dữ liệu về thông tin cá nhân, dữ liệu về mối quan hệ của người sử dụng dịch vụ, dữ liệu do người sử dụng dịch vụ tại Việt Nam tạo ra phải lưu trữ dữ liệu này tại Việt Nam. Đến nay, ngoài Việt Nam đã có hơn 18 quốc gia thành viên của WTO (trong đó có Hoa Kỳ, Canada, Úc, Đức, Pháp) quy định bắt buộc phải lưu trữ dữ liệu trong lãnh thổ quốc gia. Bên cạnh những tranh cãi do quy định này gây ra, không thể phủ nhận những điểm tích cực nhất định. Nếu gặp sự cố gián đoạn sẽ được xử lý nhanh hơn; cơ quan chức năng sẽ quản lý tốt hơn hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp này; khi có hành vi xâm phạm an ninh mạng, việc phối hợp xử lý thông tin và hành vi vi phạm sẽ hiệu quả và khả thi hơn. Chính phủ sẽ sớm ban hành Nghị định hướng dẫn vệc lưu trữ dữ liệu tại Việt Nam mà không gây ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp khác, kể cả doanh nghiệp khởi nghiệp.

Luật An ninh mạng ra đời đã hệ thống hóa, tập trung và nâng thành luật các quy định về quản lý an ninh mạng trước đây được ban hành và nằm rải rác tại nhiều quy định khác nhau. Mặc dù còn nhiều ý kiến trái chiều xoay quanh nhưng không thể phủ nhận những giá trị mà Luật An ninh mạng mang lại nhất là về mặt quản lý nhà nước, đặc biệt an ninh mạng là vấn đề quan trọng ảnh hưởng đến an ninh quốc gia.

# **LUẬT GIÁO DỤC 43/2019/QH14**

Ngày 14/6/2019, [Luật Giáo dục 2019](https://lawnet.vn/vb/luat-giao-duc-59c31.html) chính thức được Quốc hội thông qua.

**Từ 01/7/2020, giáo viên tiểu học, trung học phải có bằng cử nhân sư phạm trở lên**

[Luật Giáo dục 2019](https://lawnet.vn/vb/luat-giao-duc-59c31.html) đã nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và giảng viên đại học.

Cụ thể, Luật quy định chuẩn trình độ đào tạo của giáo viên mầm non từ trung cấp sư phạm lên cao đẳng sư phạm, giáo viên tiểu học từ trung cấp sư phạm lên cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên, giáo viên THCS từ cao đẳng sư phạm lên cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên.

Trường hợp môn học chưa đủ giáo viên có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm.

Đối với nhà giáo giảng dạy trình độ đại học, Luật quy định trình độ chuẩn được đào tạo từ đại học lên thạc sĩ.

Đối với nhà giáo giảng dạy trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp thì sẽ thực hiện theo Luật Giáo dục nghề nghiệp.

**2. Sinh viên Sư phạm được hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt trong toàn khóa học**

Đây là nội dung đáng chú ý được quy định tại Điều 85 Luật Giáo dục 2019. Theo đó, kể từ ngày 01/7/2020, học sinh, sinh viên sư phạm được hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt trong toàn khóa học.

Ngoài ra, học sinh, sinh viên sư phạm nói riêng và các sinh viên chuyên ngành khác nói chung sẽ được hưởng các chính sách dành cho người học theo quy định như sau

- Nhà nước có chính sách cấp học bổng khuyến khích học tập cho học sinh đạt kết quả học tập xuất sắc ở trường chuyên, trường năng khiếu quy định tại Điều 62 của Luật này và người học có kết quả học tập, rèn luyện từ loại khá trở lên ở cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học; cấp học bổng chính sách cho sinh viên hệ cử tuyển, học sinh trường dự bị đại học, trường phổ thông dân tộc nội trú, người học trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp dành cho thương binh, người khuyết tật.

- Nhà nước có chính sách trợ cấp và miễn, giảm học phí cho người học là đối tượng được hưởng chính sách xã hội, người dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, trẻ mồ côi, trẻ em không nơi nương tựa, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo.

**3. Người học sư phạm phải bồi hoàn học phí nếu làm việc không đúng ngành**

Đây tiếp tục là một trong những nội dung mới quan trọng được quy định tại Luật Giáo dục 2019.

Theo đó, những học sinh, sinh viên sư phạm được nhà nước hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt trong toàn khóa học nếu sau 2 năm kể từ khi tốt nghiệp nếu không công tác trong ngành giáo dục hoặc công tác không đủ thời gian quy định thì phải bồi hoàn khoản kinh phí mà Nhà nước hỗ trợ. Thời hạn hoàn trả tối đa bằng thời gian đào tạo.

**4. Nhà giáo được ưu tiên hưởng tiền đặc thù, xếp lương theo vị trí việc làm**

Điều 76 Luật Giáo dục 2019 quy định về tiền lương của nhà giáo có nêu rõ nhà giáo được xếp lương phù hợp với vị trí việc làm và lao động nghề nghiệp; được ưu tiên hưởng phụ cấp đặc thù nghề theo quy định của Chính phủ.

Đây là quy định mới được bổ sung so với [Luật Giáo dục 2005](https://lawnet.vn/vb/luat-giao-duc-2005-38-2005-qh11-a4c.html), Luật hiện hành chỉ quy định nhà giáo được hưởng tiền lương, phụ cấp ưu đãi theo nghề và các phụ cấp khác theo quy định của Chính phủ.

**5. Nghiêm cấm giáo viên lợi dụng việc tài trợ, ủng hộ giáo dục để ép buộc đóng góp tiền/hiện vật**

Đây là một trong những hành vi bị nghiêm cấm trong cơ sở giáo dục được quy định tại Luật Giáo dục 2019.

Theo đó, kể từ ngày 01/7/2020, tất cả giáo viên không được phép lợi dụng việc tài trợ, ủng hộ giáo dục để ép buộc đóng góp tiền/hiện vật. Đây là quy định mới được bổ sung tại Luật Giáo dục 2019, Luật Giáo dục 2005 hiện hành không quy định về vấn đề này.

Ngoài ra, Luật Giáo dục 2019 cũng quy định thêm các hành vi bị nghiêm cấm khác trong cơ sở giáo dục như: Cấm xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể nhà giáo, cán bộ, người lao động của cơ sở giáo dục và người học; cấm xuyên tạc nội dung giáo dục; cấm gian lận trong học tập, kiểm tra, thi, tuyển sinh; cấm hút thuốc; uống rượu, bia; gây rối an ninh, trật tự; cấm ép buộc học sinh học thêm để thu tiền.

**6. Bổ sung loại trường tư thục không vì lợi nhuận**

Bên cạnh các loại hình trường công lập, trường dân lập và trường tư thục theo quy định hiện hành tại Luật Giáo dục 2005, Luật Giáo dục 2019 đã bổ sung thêm quy định về loại hình trường tư thục không vì lợi nhuận.

Cụ thể, trường tư thục hoạt động không vì lợi nhuận là trường mà nhà đầu tư cam kết và thực hiện cam kết hoạt động không vì lợi nhuận, được ghi trong quyết định thành lập hoặc quyết định chuyển đổi loại hình trường; hoạt động không vì lợi nhuận, không rút vốn, không hưởng lợi tức; phần lợi nhuận tích lũy hằng năm thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia để tiếp tục đầu tư phát triển nhà trường.

Đồng thời, Luật cũng bổ sung nguyên tắc chuyển đổi loại hình nhà trường từ trường tư thục sang trường tư thục hoạt động không vì lợi nhuận.

**7. Miễn học phí học sinh THCS và mầm non theo lộ trình từ ngày 01/7/2020**

Theo Luật Giáo dục 2019, kể từ ngày 01/7/2020, học sinh tiểu học trong các cơ sở giáo dục công lập không phải đóng học phí.

Ở các địa bàn không đủ trường công lập, học sinh tiểu học trong các cơ sở giáo dục tư thục sẽ được Nhà nước hỗ trợ tiền đóng học phí, mức hỗ trợ do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.

Đối với trẻ em mầm non 05 tuổi ở thôn, xã đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng bãi ngang vien biển, hải đảo thì được miễn học phí.

Những trẻ em mầm non 05 tuổi không thuộc các đối tượng trên và học sinh trung học cơ sở sẽ được miễn học phí theo lộ trình do Chính phủ quy định.

**8. Từ 01/7/2020, mỗi môn học phổ thông sẽ có một hoặc một số sách giáo khoa**

Theo Luật Giáo dục 2019, từ ngày 01/7/2019, mỗi môn học giáo dục phổ thông sẽ có một hoặc một số sách giáo khoa, thực hiện xã hội hóa việc biên soạn sách giáo khoa; việc xuất bản sách giáo khoa thực hiện theo quy định của pháp luật.

Về thẩm quyền quyết định việc lựa chọn SGK, Luật giao cho UBND cấp tỉnh quyết định việc lựa chọn SGK sử dụng ổn định trong các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Luật cũng quy định rõ, Hội đồng quốc gia thẩm định SGK giáo dục phổ thông sẽ bao gồm các nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhà khoa học có kinh nghiệm, uy tín về giáo dục và các bên liên quan. Đặc biệt, Hội đồng phải có ít nhất một phần ba tổng số thành viên là các nhà giáo đang giảng dạy ở cấp học tương ứng.